

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 4 trang)

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề thi: 075

A. TÔ TRÊN PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Phần I (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Đối với mỗi câu, thí sinh chỉ chọn một phương án.

- Câu 1.** Sự phân hóa thiên nhiên nước ta theo Bắc - Nam chủ yếu là do sự phân hóa của
A. đất đai. B. khí hậu. C. sinh vật. D. địa hình.
- Câu 2.** Biểu hiện nào sau đây không đúng với khí hậu của Nam Bộ?
A. Mùa mưa vào thu đông. C. Nhiệt độ quanh năm cao.
B. Biên độ nhiệt năm nhỏ. D. Khí hậu có hai mùa rõ rệt.
- Câu 3.** Lượng phù sa lớn của các sông ở nước ta gây nên trở ngại chủ yếu cho sản xuất là
A. làm suy giảm nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp.
B. gây ô nhiễm nguồn nước ngọt cho nuôi trồng thủy sản.
C. gây bồi lắng các tuyến giao thông vận tải đường thủy.
D. làm giảm chất lượng nước cho các nhà máy thủy điện.
- Câu 4.** Điều kiện tự nhiên quan trọng nhất tạo cơ sở cho việc hình thành vùng chuyên canh chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là có
A. khí hậu và đất phù hợp. C. đất feralit giàu dinh dưỡng.
B. nhiệt độ và độ ẩm cao. D. địa hình chủ yếu là đồi núi.
- Câu 5.** Ý nghĩa chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là
A. đẩy nhanh quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng.
B. giải quyết nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.
C. tăng sức hút đầu tư nước ngoài và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng.
D. thích ứng với thay đổi của thị trường và tăng hiệu quả đầu tư.
- Câu 6.** So với các vùng kinh tế trọng điểm khác trong nước, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có
A. diện tích nhỏ nhất, dân số đông nhất. C. thế mạnh hàng đầu về du lịch biển.
B. dân số đông nhất, GRDP lớn nhất. D. thế mạnh hàng đầu về nông nghiệp.
- Câu 7.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN Ở BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ
NĂM 2015 VÀ NĂM 2022

(Đơn vị: nghìn tấn)

Lĩnh vực	Bắc Trung Bộ		Duyên hải Nam Trung Bộ	
	Năm 2015	Năm 2022	Năm 2015	Năm 2022
Nuôi trồng	143,0	182,0	86,5	120,6
Khai thác	362,1	524,1	913,6	1 191,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021 và năm 2023)

Dựa vào bảng số liệu, hãy chọn nhận xét đúng về ngành thủy sản của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

- A. Tổng sản lượng thủy sản của Duyên hải Nam Trung Bộ thấp hơn Bắc Trung Bộ.
B. Sản lượng thủy sản khai thác luôn lớn hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.
C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng và sản lượng thủy sản khai thác giảm.
D. Sản lượng thủy sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ tăng nhanh hơn Bắc Trung Bộ.
- Câu 8.** Điều kiện quan trọng nhất cho phép nước ta phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới là có
A. các đồng bằng châu thổ rộng lớn. C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
B. nguồn cung cấp nước phong phú. D. diện tích nhóm đất feralit lớn.

Cm

Câu 9. Nhóm ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ ngày càng chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Nguồn lao động dồi dào, cơ sở hạ tầng phát triển mạnh.
- B. Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa diễn ra mạnh mẽ.
- C. Có nhiều loại hình sản xuất mới, khoáng sản phong phú.
- D. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, tiến bộ khoa học kĩ thuật.

Câu 10. Cho bảng số liệu:

DOANH THU DU LỊCH CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2022

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Doanh thu \ Năm	2010	2015	2020	2022
Doanh thu của các cơ sở lưu trú	28,9	44,7	38,6	57,8
Doanh thu của các cơ sở lữ hành	15,5	30,4	16,5	35,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Dựa vào bảng số liệu, nhận định nào sau đây đúng về tình hình phát triển ngành du lịch của nước ta giai đoạn 2010 - 2022?

- A. Doanh thu của các cơ sở lữ hành tăng nhiều hơn doanh thu của các cơ sở lưu trú.
- B. Doanh thu của các cơ sở lưu trú và cơ sở lữ hành có xu hướng tăng liên tục.
- C. Doanh thu của các cơ sở lưu trú tăng chậm hơn doanh thu của các cơ sở lữ hành.
- D. Doanh thu của các cơ sở lưu trú luôn nhỏ hơn doanh thu của các cơ sở lữ hành.

Câu 11. Trong những năm gần đây, tỉ trọng dân số phân theo nhóm tuổi ở nước ta thay đổi theo xu hướng nào?

- A. Nhóm dưới 15 tuổi và nhóm từ 15 - 64 tuổi giảm, nhóm từ 65 tuổi trở lên tăng.
- B. Nhóm dưới 15 tuổi giảm, nhóm từ 15 - 64 tuổi và nhóm từ 65 tuổi trở lên tăng.
- C. Nhóm dưới 15 tuổi và nhóm từ 15 - 64 tuổi tăng, nhóm từ 65 tuổi trở lên giảm.
- D. Nhóm dưới 15 tuổi tăng, nhóm từ 15 - 64 tuổi và nhóm từ 65 tuổi trở lên giảm.

Câu 12. Tỉ lệ gia tăng dân số giảm nhưng số dân tăng thêm mỗi năm của nước ta vẫn lớn chủ yếu do

- A. tỉ suất chết thô giảm xuống mức thấp và tương đối ổn định.
- B. điều chỉnh chính sách dân số và chế độ phúc lợi xã hội.
- C. kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống được nâng cao.
- D. quy mô dân số lớn, tỉ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ cao.

Phần II (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG CỦA TRẠM KHÍ TƯỢNG A Ở NƯỚC TA

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ trung bình (°C)	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Tổng lượng mưa (mm)	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4

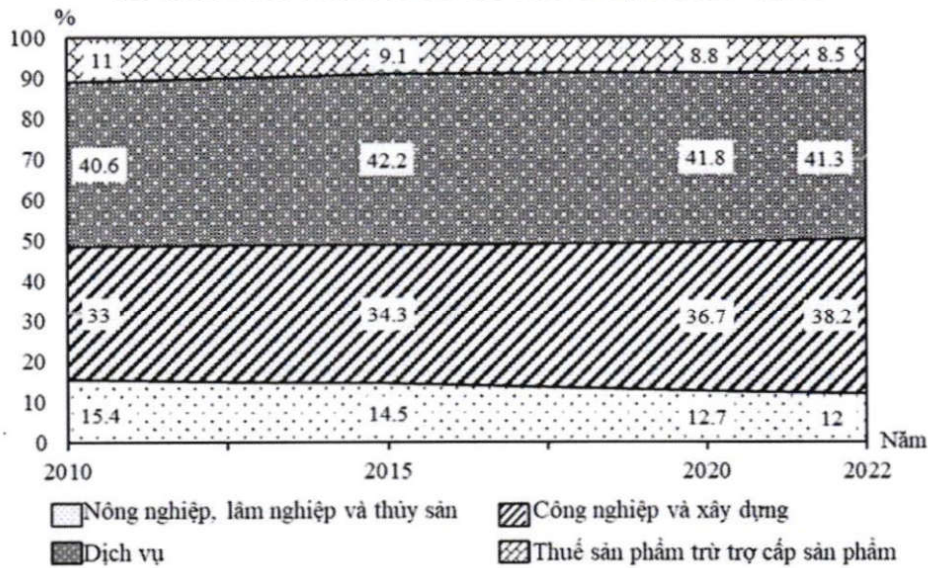
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

- a) Trạm khí tượng A thuộc miền khí hậu phía Bắc.
- b) Mùa mưa của trạm khí tượng A từ tháng 4 đến tháng 8.
- c) Biên độ nhiệt năm của trạm khí tượng A cao chủ yếu do Tín phong.
- d) Tổng lượng mưa năm của trạm A là 1 667,2 mm, mưa ít vào mùa đông.

Cm

Câu 2. Cho biểu đồ sau:

CƠ CẤU GDP CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2022



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2023)

- Tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ của nước ta tăng liên tục.
- Tỉ trọng nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của nước ta có xu hướng giảm dần.
- Tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp và xây dựng của nước ta tăng chậm hơn nhóm ngành dịch vụ.
- Cơ cấu GDP của nước ta chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 3. Cho đoạn văn bản sau:

“Nghiên cứu của Ngân hàng thế giới cho thấy, Việt Nam nằm trong nhóm 5 quốc gia chịu ảnh hưởng lớn nhất do biến đổi khí hậu. [...] Tại Việt Nam, hai vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng nặng nhất. Dưới tác động của biến đổi khí hậu, ở Đồng bằng sông Cửu Long, ước tính hàng trăm ngàn hecta đất bị ngập, hàng triệu người có thể bị mất nhà cửa nếu nước biển dâng cao. Sản lượng lương thực có nguy cơ giảm sút lớn, đe dọa tới an ninh lương thực của quốc gia. Diện tích canh tác nông nghiệp sử dụng nguồn nước ngọt như lúa, màu, cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản sẽ bị thu hẹp, năng suất và sản lượng sẽ suy giảm.”

(Nguồn: <https://s.net.vn/IFdc>)

- Biến đổi khí hậu có tác động mạnh tới sản xuất và đời sống người dân ở đồng bằng sông Cửu Long.
- Trồng lúa và nuôi trồng thủy sản là hai lĩnh vực chịu ảnh hưởng mạnh nhất khi có sự gia tăng xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long.
- Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng chịu ảnh hưởng nặng nhất của biến đổi khí hậu do tiếp giáp vùng biển rộng, đường bờ biển dài.
- Tình trạng thiếu nước ngọt ngày càng gia tăng ở đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do biến đổi khí hậu, hoạt động tại chỗ của người dân và can thiệp từ thượng nguồn sông Mê Kông.

B. VIẾT TRÊN TỜ GIẤY THI

Phần III (1 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Đối với mỗi câu, thí sinh chỉ viết kết quả, không trình bày suy luận.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

**NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG NĂM 2020
TẠI THÀNH PHỐ HUẾ VÀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (°C)**

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Huế	21,7	22,0	25,7	24,7	29,5	29,9	29,5	28,8	28,6	25,0	23,7	20,0
Đà Nẵng	23,6	23,6	26,6	26,4	29,4	30,6	29,6	29,3	29,4	25,9	25,0	22,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2020)

Dựa vào bảng số liệu, hãy cho biết trong năm 2020 thành phố nào có biên độ nhiệt năm cao hơn?

Cmt

Câu 2. Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM
PHÂN THEO VÙNG KINH TẾ NƯỚC TA NĂM 2022**

Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	953,6	5 887,8
Trung du và miền núi Bắc Bộ	659,7	3 435,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	1 185,4	6 886,5
Tây Nguyên	252,0	1 505,5
Đông Nam Bộ	255,5	1 409,1
Đồng bằng sông Cửu Long	3 802,7	23 536,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Dựa vào bảng số liệu, hãy cho biết trong năm 2022 vùng nào ở nước ta có năng suất lúa cao nhất?

Câu 3. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 - 2022

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2005	2010	2015	2020	2022
Giá trị					
Xuất khẩu	32,4	72,2	162,0	282,6	371,7
Nhập khẩu	36,8	84,8	165,7	262,8	359,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết giá trị nhập siêu lớn nhất.

Câu 4. Theo Tổng cục Thống kê, dân số năm 2021 của nước ta là 98,3 triệu người, trong đó dân số trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) chiếm 67,6%. Tỷ số phụ thuộc chung của dân số nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất)?

Phần IV (3 điểm). Thí sinh trả lời câu 5, viết quá trình và kết quả suy luận.

Câu 5. Cho bảng số liệu:

TỔNG DÂN SỐ VÀ DÂN SỐ NỮ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 - 2022

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	Tổng dân số	Dân số nữ
1990	66 017	33 814
2000	77 631	39 466
2010	87 067	44 004
2020	97 583	48 957
2022	99 468	49 881

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2000, 2006, 2016, 2023)

Dựa vào bảng số liệu, hãy nhận xét và giải thích sự thay đổi tỉ số giới tính của nước ta trong giai đoạn 1990 - 2022.

HẾT

Ghi chú: Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.



ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM
ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đáp án - Thang điểm gồm có 2 trang)

MÔN: ĐỊA LÍ

A. TÔ TRÊN PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Phần I (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Đối với mỗi câu, thí sinh chỉ chọn một phương án. Đối với mỗi câu trả lời đúng, thí sinh được 0,25 điểm.

Mã đề thi: 075

Câu hỏi	Đáp án
1	B
2	A
3	C

Câu hỏi	Đáp án
4	A
5	D
6	B

Câu hỏi	Đáp án
7	B
8	C
9	B

Câu hỏi	Đáp án
10	C
11	A
12	D

Phần II (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm:

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Câu hỏi	Ý a)	Ý b)	Ý c)	Ý d)
1	Đúng	Sai	Sai	Đúng
2	Sai	Đúng	Sai	Đúng
3	Đúng	Đúng	Sai	Đúng

* Đối với **Phần I, Phần II**, thí sinh trả lời câu hỏi bằng cách tô trên Phiếu trả lời trắc nghiệm; bài làm được quét bằng máy và chấm tự động bằng phần mềm.

B. VIẾT TRÊN TỜ GIẤY THI

Phần III (1 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Đối với mỗi câu, thí sinh chỉ viết kết quả, không trình bày suy luận. Đối với mỗi câu trả lời đúng, thí sinh được 0,25 điểm.

Câu hỏi	Câu trả lời ngắn
1	Huế (hoặc thành phố Huế)
2	Đồng bằng sông Cửu Long
3	12,6
4	47,9



Cmy

Phần IV (3 điểm). Thí sinh trả lời câu 5, viết quá trình và kết quả suy luận.

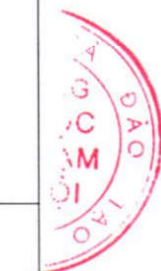
Câu 5 (3,0 điểm)

Đáp án	Thang điểm																		
Ý a																			
Xử lí số liệu: - Công thức tính: + Dân số nam = Tổng dân số - Dân số nữ + Tỉ số giới tính = $\frac{\text{Dân số nam}}{\text{Dân số nữ}} \times 100$	0,5																		
- Kết quả: DÂN SỐ NAM VÀ TỈ SỐ GIỚI TÍNH CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 - 2022 <table border="1" style="margin: 10px auto; width: 80%;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">Năm</th> <th style="text-align: center;">Dân số nam (nghìn người)</th> <th style="text-align: center;">Tỉ số giới tính (nam/100 nữ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1990</td> <td style="text-align: center;">32 203</td> <td style="text-align: center;">95,2</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">2000</td> <td style="text-align: center;">38 165</td> <td style="text-align: center;">96,7</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">2010</td> <td style="text-align: center;">43 063</td> <td style="text-align: center;">97,9</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">2020</td> <td style="text-align: center;">48 626</td> <td style="text-align: center;">99,3</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">2022</td> <td style="text-align: center;">49 587</td> <td style="text-align: center;">99,4</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Dân số nam (nghìn người)	Tỉ số giới tính (nam/100 nữ)	1990	32 203	95,2	2000	38 165	96,7	2010	43 063	97,9	2020	48 626	99,3	2022	49 587	99,4	0,5
Năm	Dân số nam (nghìn người)	Tỉ số giới tính (nam/100 nữ)																	
1990	32 203	95,2																	
2000	38 165	96,7																	
2010	43 063	97,9																	
2020	48 626	99,3																	
2022	49 587	99,4																	
Ý b																			
- Nhận xét	1,0																		
+ Tỉ số giới tính tăng liên tục và dần cân bằng hơn (dẫn chứng).	0,5																		
+ Tỉ số giới tính luôn ở mức dưới 100 (dẫn chứng).	0,5																		
- Giải thích	1,0																		
+ Tỉ số giới tính tăng liên tục và dần cân bằng hơn do kinh tế và y tế phát triển, mức độ ảnh hưởng của chiến tranh trong quá khứ giảm mạnh, tỉ số giới tính khi sinh luôn ở mức cao.	0,5																		
+ Tỉ số giới tính luôn ở mức dưới 100 do dân số nam luôn ít hơn dân số nữ, nam giới có tuổi thọ trung bình thấp hơn nữ giới.	0,5																		

* Đối với **Phần III, Phần IV**, thí sinh trả lời câu hỏi bằng cách viết trên Tờ giấy thi; bài làm được cán bộ chấm thi theo quy định.

HẾT

Trang 2/2



Handwritten signature